TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 14, 03 - 07/04/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Chứng khoán thế giới trái chiều, thanh khoản cải thiện"

Các chỉ số chứng khoán toàn cầu trong tuần qua có diễn biến trái chiều. Tại Mỹ, chỉ số S&P500 giảm nhẹ 0.1% do các nhà đầu tư lo ngại về suy thoái kinh tế khi dữ liệu lao động được công bố kém tích cực. Cụ thể, Cơ hội việc làm Hoa Kỳ lần đầu tiên giảm xuống mức 10 triệu từ tháng 2/2021 và các đơn hàng tiếp tục giảm. Bên cạnh đó, chủ tịch Fed Cleveland Loretta Mester cho biết rằng bà kỳ vọng lãi suất quỹ liên bang sẽ tăng trên 5% để kiềm hãm lạm phát khiến tâm lý của các nhà đầu tư thêm thận trọng. Tại châu Âu, chỉ số Stoxx Europe 600 tăng nhẹ 0.2% trong bối cảnh lo ngại về khủng hoảng của các ngân hàng giảm sút. Tại châu Á, chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản giảm sâu 1.9% khi các tâm lý lo lắng bao phủ các nhà đầu tư sau khi số liệu kinh tế Mỹ kém tích cực. Tại Trung Quốc, chỉ số Shanghai Composite bật tăng 1.7% với sự phục hồi của nhóm bất động sản với doanh số bán nhà mới tăng 55% YoY trong tháng 3.

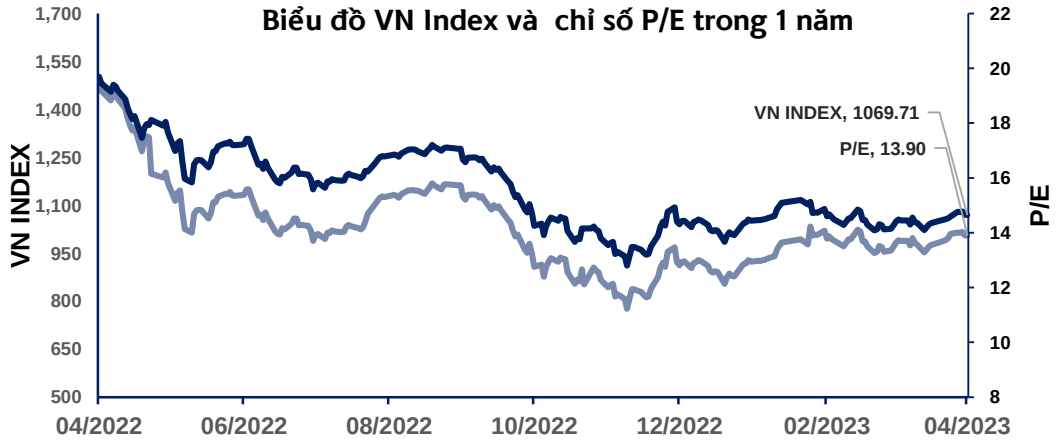
Giá dầu WTI bật tăng 8% trong tuần lên mức 80 USD/thùng nối dài đà tăng tới tuần thứ ba liên tiếp. Động lực đến từ việc OPEC+ bất ngờ thông báo cắt giảm sản lượng 1.16 triệu thùng/ngày và dự trữ dầu thô của Mỹ đã giảm 3.7 triệu thùng trong tuần trước vượt xa kỳ vọng giảm 2.3 triệu thùng. Bên cạnh đó, giá vàng đã tăng vượt ngưỡng 2,000 USD/ounce khi các nhà đầu tư lo lắng về triển vọng kinh tế ngày càng ảm đạm.

Chứng khoán Việt Nam có tuần giao dịch với nhiều biến động, chỉ số VN-Index tăng nhẹ 0.5% lên mức 1,069.71 điểm, chỉ số HN-Index tăng 1.98% lên mức 211.6. Về các nhóm ngành, thị trường có sự phân hóa khá mạnh mẽ, nhóm Tài chính và Xây dựng & vật liệu là điểm sáng khi kéo chỉ số. Thông tin đáng chú ý của tuần qua là NHNN giảm hàng loạt lãi suất điều hành và PMI ngành sản xuất Việt Nam đạt 47.7 trong tháng 3, giảm so với mức 51.2 điểm của tháng 2 và nằm dưới ngưỡng 50 điểm lần thứ tư trong năm tháng qua. Trong tuần tới, số liệu lạm phát, PPI của Mỹ và lạm phát của Trung Quốc là những thông tin quan trọng thu hút sự chú ý của giới đầu tư.

Góc nhìn và khuyến nghị: VN-Index đã có tuần giao dịch nhiều biến động khi chỉ số mở gap tăng phiên đầu tuần và điều chỉnh trong hai phiên cuối tuần. Đáng chú ý, khối lượng giao dịch trên thị trường tăng đột biến so với tuần trước và vượt ngưỡng trung bình 20 tuần. Chỉ số đã kiểm định ngưỡng kháng cự 1,080 nhưng bất thành, đường MA10 có xu hướng cắt xuống MA20 cho thấy tín hiệu kém tích cực. Trên biểu đồ tuần, đường MACD vẫn duy trì xu hướng đi lên nhưng vẫn chưa vượt được ngưỡng 0. Trong thời gian tới, VN-Index có thể tiếp tục xu hướng đi ngang trong với kháng cự ngắn hạn là ngưỡng 1,080 điểm trong khi hỗ trợ tương ứng là ngưỡng tâm lý 1,000 điểm. Bối cảnh hiện tại phù hợp với chiến lược thận trọng có thể cân nhắc giải ngân trong thời điểm thị trường điều chỉnh khi VNIndex chạm các ngưỡng kháng cự.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,070	0.5	3.1	1.7	6.2		13.9	1.7	182
Upcom Index	78	1.8	2.6	7.4	9.1		12.3	1.6	42
HNX Index	212	2.0	2.0	0.5	3.1		20.9	1.2	10
VN30 Index	1,079	0.5	5.0	2.0	7.3		11.0	1.7	133
S&P 500 Index	4,105	-0.1	3.0	5.4	6.9		19.7	4.1	35,772
STOXX Europe 600 Index	459	0.2	-0.4	3.3	8.0		13.9	1.9	13,702
Hang Seng	20,331	-0.3	-1.0	-3.1	2.8		13.0	1.2	2,943
Nikkei 225	27,518	-1.9	-2.8	5.9	5.5		22.6	1.7	3,731
SHCOMP Index	3,328	1.7	1.3	5.4	7.7		12.8	1.4	7,000
STI Index	3,300	1.3	1.7	0.7	1.5		13.2	1.1	384
KOSPI Index	2,490	0.5	1.1	8.8	11.4		12.5	0.9	1,428

Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu tại ngày 7/4/2023



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Trần Khang
☎ (84-28) 6287-8037
✉ khang.lt@shinhan.com

Mở tài khoản

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD			% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	1M	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-1.3	3.0	6.1	28.6	36.9	39.7	66.7	-2.4	11.6	1.8	3,706,364
Mid Cap	1.6	4.1	7.7	41.9	56.7	47.5	31.1	1.9	14.2	1.0	486,040
Small Cap	2.1	2.3	6.5	67.8	84.2	60.9	2.2	0.5	23.8	0.6	70,660

Theo ngành

Tên ngành	% Thay đổi GTGD			% Tỷ trọng GTGD			Định giá				
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Tài chính	2.7	17.2	26.3	36.0	64.1	88.6	17.4	0.4	19.1	1.1	118,559
Truyền thông	2.1	26.4	41.0	19.5	23.3	20.3	0.0	0.0	15.4	0.9	1,242
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	1.5	4.7	5.7	68.5	79.6	37.2	3.5	0.7	10.4	1.1	110,996
Xây dựng và vật liệu	1.4	5.1	15.6	32.9	61.3	52.1	8.0	0.0	7.2	1.0	101,996
Hóa chất	1.0	7.0	2.7	104.4	74.9	44.3	3.8	1.3	6.2	1.1	134,471
Ô tô & Phụ tùng	0.9	0.2	1.2	38.1	53.4	24.5	0.4	0.0	9.6	1.1	13,545
Tài nguyên cơ bản	0.8	0.2	17.4	13.8	8.7	8.7	9.7	-1.6	25.0	1.2	164,382
Bán lẻ	0.7	-3.1	-8.4	0.0	29.1	18.3	2.0	-0.7	14.1	2.3	76,279
Du lịch và Giải trí	0.6	4.6	-6.1	16.1	-0.1	-1.7	0.5	-0.1	n.a	9.2	95,616
Dầu khí	0.1	-3.7	18.5	43.7	14.7	16.2	1.2	0.1	40.2	2.1	59,464
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.1	-1.4	-7.5	57.5	76.6	36.3	1.0	0.2	10.3	1.7	47,678
Thực phẩm và đồ uống	0.0	-1.5	-4.1	24.7	10.8	3.2	5.8	-0.4	20.9	2.7	474,553
Dược và Y tế	-0.2	-3.6	-0.4	-12.0	-3.4	-4.0	0.1	-0.1	12.3	1.8	30,342
Công nghệ Thông tin	-0.2	2.3	4.5	16.6	23.8	0.2	0.6	-0.1	16.8	2.7	100,675
Bảo hiểm	-0.7	0.8	4.6	-2.1	7.7	-28.0	0.2	-0.1	6.9	1.6	47,570
Tiện ích	-0.7	-1.7	3.0	55.6	11.7	11.0	1.7	0.2	11.8	2.0	314,296
Ngân hàng	-1.4	2.3	11.5	15.8	25.5	33.5	23.1	-3.4	8.4	1.6	1,591,679
Bất động sản	-2.8	9.5	3.6	60.2	85.8	76.8	21.0	3.6	7.9	1.4	779,397

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,749**	**4.8**	**78.6**	**325.9**	**327.7**
Nước ngoài	**2,578**	**5.1**	**86.2**	**309.7**	**307.8**
VanEck Vectors Vietnam ETF	528	0.0	1.2	74.9	94.3
Fubon FTSE Vietnam ETF	819	0.0	64.0	64.0	65.5
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	716	5.1	23.6	94.0	138.7
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	335	0.0	-2.8	46.7	53.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	148	0.0	0.0	28.6	-45.2
Premia MSCI Vietnam ETF	16	0.0	0.3	0.3	0.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	6	0.0	0.0	1.3	1.3
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,170**	**-0.3**	**-7.7**	**16.3**	**19.9**
DCVFMVN Diamond ETF	601	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	364	-0.6	-3.9	17.3	18.9
SSIAM VNFIN LEAD ETF	165	0.1	-3.9	-0.8	1.3
MAFN VN30 ETF	27	0.0	-0.3	-0.3	-0.3
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	-0.3	-0.5
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	4	0.2	0.4	0.4	0.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	22,975	26,831	-160,700
Ấn độ	168	168	168	-2,315
Indonesia	183	183	183	629
Nhật Bản*	468	-21,946	-20,541	-20,541
Maylaysia	5	5	5	-418
Philippines	-126	-48	-68	-68
Hàn Quốc	-212	-212	-212	5,257
Sri Lanka	0	0	0	1
Đài Loan	-333	-333	-333	7,985
Thái Lan	8	8	8	-1,638
Việt Nam	-23	-23	-23	196

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

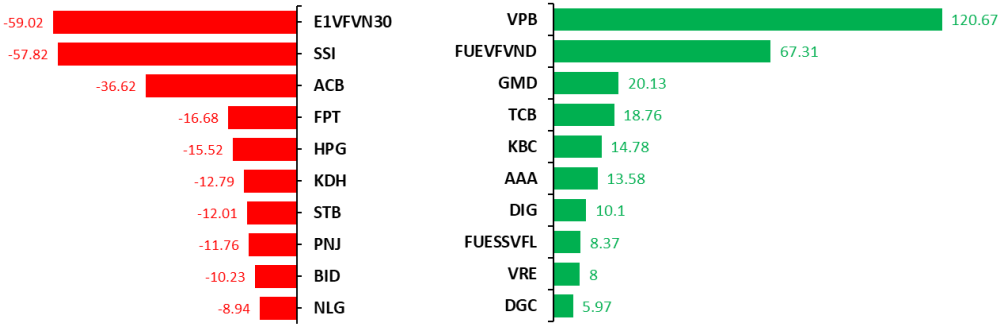
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

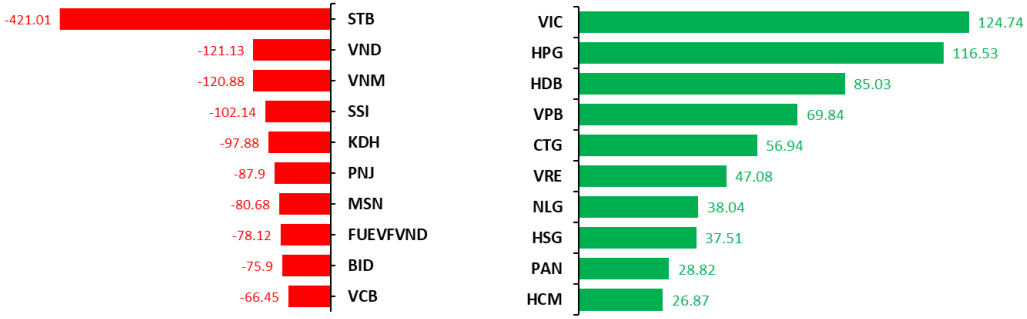
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	0	189	-469	280
Tài nguyên Cơ bản	-15	149	-111	-38
Truyền thông	0	2	-1	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9	-25	-48	73
Y tế	0	3	-2	-1
Hóa chất	16	-43	106	-64
Dịch vụ tài chính	-46	-349	116	232
Du lịch và Giải trí	-6	-4	-181	186
Ngân hàng	49	-179	293	-115
Xây dựng và Vật liệu	-5	76	353	-429
Thực phẩm và đồ uống	-17	-254	316	-62
Bán lẻ	-7	13	18	-31
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4	-46	132	-86
Hàng cá nhân & Gia dụng	-12	-96	169	-73
Công nghệ Thông tin	-17	3	0	-3
Ô tô và phụ tùng	0	-3	-2	5
Bảo hiểm	0	8	-5	-3
Dầu khí	0	-23	21	2
Tổng	-54	-578	705	-127

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SAB	Thực phẩm và đồ uống	149.00 - 203.00	177.0	-4.17%
2	NKG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.89 - 39.88	14.8	-3.90%
3	LPB	Ngân hàng	7.75 - 18.17	14.8	-3.90%
4	PGI	Bảo hiểm	23.70 - 31.40	26.2	-3.32%
5	BCM	Sản xuất nông nghiệp	58.20 - 101.80	80.2	-3.26%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
34.38%	7.7	3.58 - 24.90	Xây dựng và Vật liệu	TCD
25.93%	17.0	9.40 - 71.31	Bất động sản	DIG
25.52%	7.9	4.54 - 25.67	Dịch vụ tài chính	BCG
24.02%	4.8	3.29 - 16.00	Bất động sản	VPH
23.29%	7.9	1.50 - 8.13	Bất động sản	HQC

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HJS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	28.60 - 45.50	35.0	-22.22%
2	SAF	Thực phẩm và đồ uống	45.00 - 71.80	57.7	-19.64%
3	PRC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	16.10 - 77.90	21.9	-19.49%
4	PTI	Bảo hiểm	23.50 - 73.10	33.0	-19.12%
5	PMC	Y tế	59.00 - 85.00	67.9	-18.19%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
48.24%	12.6	4.90 - 30.50	Bất động sản	API
37.65%	11.7	4.00 - 27.43	Bất động sản	IDJ
34.00%	13.4	3.80 - 30.90	Dịch vụ tài chính	APS
27.91%	5.5	4.10 - 20.20	Xây dựng và Vật liệu	VC9
20.98%	54.2	16.50 - 277.39	Xây dựng và Vật liệu	L14

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	KTL	Tài nguyên Cơ bản	18.00 - 65.50	32.7	-50.08%
2	RCC	Xây dựng và Vật liệu	10.40 - 44.80	20.0	-30.31%
3	DSG	Xây dựng và Vật liệu	3.80 - 7.90	5.0	-27.54%
4	YBC	Xây dựng và Vật liệu	3.80 - 14.80	6.2	-26.19%
5	CPA	Thực phẩm và đồ uống	4.00 - 12.00	4.7	-25.40%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
42.47%	10.4	6.80 - 14.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	KIP
41.86%	12.2	7.50 - 24.00	Du lịch và Giải trí	BTV
40.00%	5.6	3.40 - 16.40	Bất động sản	PTN
35.92%	14.0	6.50 - 17.80	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	TNW
33.94%	14.6	5.90 - 14.70	Thực phẩm và đồ uống	SKN

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4,161.3	334.7	37.9	25.15 - 42.40	5.0
2	BCG	Bamboo Capital	Dịch vụ tài chính	51,775.2	174.1	7.9	4.54 - 25.67	25.5
3	DRC	Cao su Đà Nẵng	Ô tô và phụ tùng	4,670.7	153.0	22.1	16.10 - 38.90	0.9
4	SAM	SAM Holdings	Công nghệ Thông tin	5,856.0	106.4	6.3	5.51 - 18.17	8.3
5	VPD	Phát triển Điện lực Việt Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1,598.2	104.4	28.2	16.50 - 29.90	6.0
6	ORS	Chứng khoán Tiên Phong	Dịch vụ tài chính	47,365.9	102.5	12.1	7.35 - 27.25	19.2
7	DPM	Đạm Phú Mỹ	Hóa chất	86,577.4	93.4	35.9	32.15 - 77.00	7.8
8	TCH	ĐT DV Tài chính Hoàng Huy	Bất động sản	54,426.4	85.9	7.9	5.31 - 20.35	7.7
9	SHB	SHB	Ngân hàng	347,062.9	83.9	11.6	7.17 - 18.57	7.9
10	PNJ	Vàng Phú Nhuận	Hàng cá nhân & Gia dụng	48,109.9	79.0	76.5	67.50 - 98.33	-1.5

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

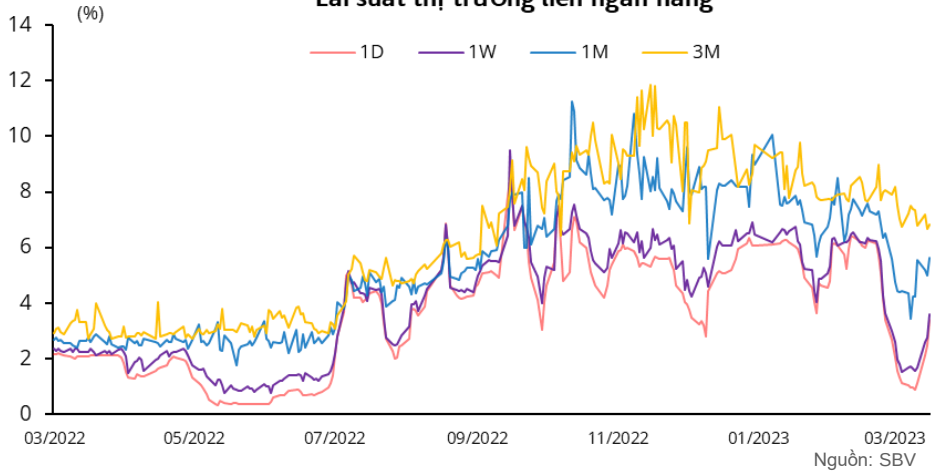
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	101.96	-0.53	-3.46	-1.85	-1.51	
VND/USD	23,451	-0.09	-0.97	-0.03	-0.77	
KRW/USD	1,316.80	1.15	1.30	5.86	4.05	
JPY/USD	131.79	-0.81	-3.92	-0.07	0.51	
EUR/USD	0.92	-0.70	-3.35	-1.70	-1.93	
SGD/USD	1.33	-0.02	-1.75	0.01	-0.66	
CNY/USD	6.87	0.02	-1.31	1.52	-0.34	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	80.70	8.51	0.30	9.39	0.55	
Xăng	281.33	5.71	0.60	25.34	14.39	
Gas	2.01	-4.42	-21.81	-45.80	-55.06	
Than	193.75	9.62	6.60	-51.09	-52.06	
Vàng	2,007.91	1.39	8.72	7.62	10.08	
Bạc	24.98	3.65	24.42	5.61	4.27	
Platinum	1,011.80	1.67	8.20	-6.42	-5.82	
Quặng sắt	119.16	-5.44	-5.05	2.22	7.08	
Thép cán	4,286.00	-2.35	-3.27	3.25	3.35	
Lúa mì	675.50	-2.42	-1.03	-9.15	-14.71	
Ngô	643.50	-0.92	-0.16	-1.61	-5.16	
Gỗ	384.90	2.20	4.03	8.73	3.00	

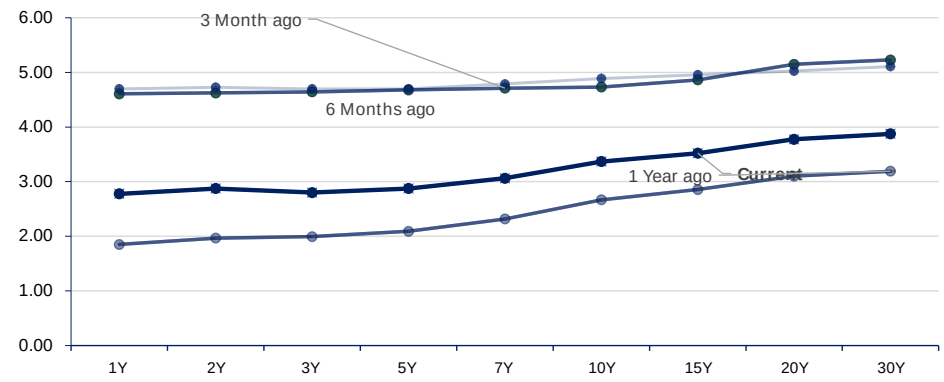
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	2.78	2.88	2.80	2.87	3.06	3.37	3.52	3.78	3.88
Thay đổi (BPS)*	-14.60	-4.80	-12.30	-7.20	26.30	12.60	10.20	-5.00	-4.30

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

*Thay đổi so với tuần trước đó

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.